

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2022

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch chung đô thị Ngọc Vũ,  
huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;*

*Căn cứ Quyết định số 5588/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045;*

*Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 3821/SXD-QH ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Ngọc*

*Vũ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045 (kèm theo Tờ trình số 187/TTr-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2022 của UBND huyện Thiệu Hóa ).*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Ngọc Vũ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045, với những nội dung chính sau:

### **1. Phạm vi, ranh giới và quy mô lập quy hoạch**

#### 1.1. Phạm vi, ranh giới

Phạm vi lập quy hoạch bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của xã Thiệu Ngọc và xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hóa; có ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp các xã Thiệu Thành, Thiệu Tiến, huyện Thiệu Hóa;
- Phía Tây giáp các xã Xuân Vinh, Thọ Trường, huyện Thiệu Hóa;
- Phía Nam giáp sông Chu;
- Phía Bắc giáp các xã Yên Lạc, Định Tăng, huyện Yên Định.

#### 1.2. Quy mô lập quy hoạch

a) Quy mô diện tích: Tổng diện tích lập quy hoạch khoảng: 1.351,6 ha (gồm xã Thiệu Ngọc: 746,5 ha; xã Thiệu Vũ: 605,1 ha).

b) Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng năm 2021 khoảng: 12.127 người (gồm xã Thiệu Ngọc: 6.242 người, xã Thiệu Vũ: 5.885 người);
- Dự báo dân số đến năm 2030: khoảng 18.000 người;
- Dự báo dân số đến năm 2045: khoảng 25.000 người.

*(Dự báo quy mô dân số và đất xây dựng đô thị sẽ được cụ thể hóa trong quá trình nghiên cứu lập đồ án quy hoạch, có áp dụng các tiêu chí đặc thù của đô thị).*

### **2. Tính chất, chức năng**

Là đô thị loại V, có chức năng là trung tâm dịch vụ thương mại; tiểu thủ công nghiệp; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; du lịch di sản văn hóa. Có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Bắc huyện Thiệu Hóa và khu vực lân cận.

### 3. Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật áp dụng

#### 3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất

Áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN01:2021/BXD được ban hành theo Thông tư số: 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng. Các chỉ tiêu áp dụng cho đô thị loại V, đối với khu vực dân cư hiện trạng cần sắp xếp để tổ chức thêm các chức năng công cộng, văn hóa, cây xanh, TDTT tối thiểu theo tiêu chí đô thị loại V. Đối với các khu vực phát triển mới lựa chọn các chỉ tiêu sử dụng đất như sau:

- Đất dân dụng mới: 70-100 m<sup>2</sup>/người;
- Đất đơn vị ở mới: 45-55 m<sup>2</sup>/người;
- Đất dịch vụ cộng đồng cấp đô thị: 4-8m<sup>2</sup>/người;
- Đất cây xanh toàn đô thị: 8-10m<sup>2</sup>/người;
- Đất bãi đậu xe:  $\geq 2,5$ m<sup>2</sup>/người.

#### 3.2. Các chỉ tiêu sử dụng công trình dịch vụ - công cộng cấp đô thị

| Loại công trình                        | Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu |          | Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu |          |
|----------------------------------------|---------------------------------------|----------|--------------------------------|----------|
|                                        | Đơn vị tính                           | Chỉ tiêu | Đơn vị tính                    | Chỉ tiêu |
| <b>A. Giáo dục</b>                     |                                       |          |                                |          |
| Trường trung học phổ thông             | học sinh/1000 người                   | 40       | m <sup>2</sup> /1 học sinh     | 10       |
| <b>C. Văn hóa - Thể dục thể thao</b>   |                                       |          |                                |          |
| 3. Sân thể thao cơ bản                 |                                       |          | m <sup>2</sup> /người          | 0,6      |
|                                        |                                       |          | ha/công trình                  | 1,0      |
| 4. Sân vận động                        |                                       |          | m <sup>2</sup> /người          | 0,8      |
|                                        |                                       |          | ha/công trình                  | 2,5      |
| 5. Trung tâm Văn hóa - Thể thao        |                                       |          | m <sup>2</sup> /người          | 0,8      |
|                                        |                                       |          | ha/công trình                  | 3,0      |
| 6. Nhà văn hóa (hoặc Cung văn hóa)     | chỗ/ 1000 người                       | 8        | ha/công trình                  | 0,5      |
| 7. Nhà thiếu nhi (hoặc Cung thiếu nhi) | chỗ/ 1000 người                       | 2        | ha/công trình                  | 1,0      |
| <b>D. Thương mại</b>                   |                                       |          |                                |          |
| 8. Chợ                                 | công trình                            | 1        | ha/công trình                  | 1,0      |

### 3.3. Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đồ án được xác định theo tiêu chí của đô thị loại V có xem xét, áp dụng thêm các tiêu chí đặc thù khác.

| TT | Chi tiêu                                                                                           | Đơn vị                 | Quy hoạch |         |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------|---------|
|    |                                                                                                    |                        | 2030      | 2045    |
| a  | Tỷ lệ đất giao thông ( <i>không bao gồm giao thông tĩnh</i> ) so với đất xây dựng đô thị tối thiểu |                        |           |         |
| -  | Tính đến đường liên khu vực                                                                        | %                      | 6         | 6       |
| -  | Tính đến đường khu vực                                                                             | %                      | 13        | 13      |
| -  | Tính đến đường phân khu vực                                                                        | %                      | 18        | 18      |
| -  | Chỉ tiêu bãi đỗ xe toàn đô thị                                                                     | m <sup>2</sup> /người  | 2,5       | 2,5     |
| b  | Cấp nước sinh hoạt (Qsh) tối thiểu                                                                 | Lít/ng.ngđ             | 80        | 80      |
| -  | Cấp nước công nghiệp tập trung tối thiểu                                                           | m <sup>3</sup> /ha.ngđ | 20        | 20      |
| -  | Cấp nước dịch vụ, công cộng                                                                        | %                      | 10% Qsh   | 10% Qsh |
| c  | Tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt                                                           | %                      | ≥ 80      | ≥ 90    |
|    | Tỷ lệ thu gom nước thải công nghiệp (xử lý riêng)                                                  | %                      | 100       | 100     |
| d  | Lượng thải chất thải rắn phát sinh                                                                 |                        |           |         |
|    | Chất thải rắn sinh hoạt                                                                            | kg/ng/ngày             | 0,8       | 0,8     |
|    | Chất thải rắn công nghiệp                                                                          | tấn/ha                 | 0,3       | 0,3     |
|    | Tỉ lệ thu gom chất thải rắn                                                                        | %                      | ≥ 90      | ≥ 95    |
| e  | Cấp điện sinh hoạt                                                                                 | kwh/ng/năm             | 1000      | 1000    |
|    | Cấp điện công nghiệp                                                                               | KW/ha                  | 140-250   | 140-250 |

### 4. Các vấn đề cần giải quyết trong đồ án quy hoạch

- Trên cơ sở đánh giá hiện trạng điều kiện tự nhiên, dân số, sử dụng đất, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và môi trường; từ đó xác định các vấn đề cần giải quyết trong đồ án.

- Xác định mục tiêu, tính chất và động lực phát triển đô thị.

- Lựa chọn các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong đồ án.

- Dự báo về kinh tế - xã hội, tỷ lệ đô thị hóa, quy mô dân số, đất đai, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

- Định hướng phát triển không gian đô thị gồm hướng phát triển và cải tạo đô thị; phạm vi, quy mô các khu chức năng của đô thị; xác định các trung tâm, công viên cây xanh, quảng trường trung tâm và không gian mở của đô thị; tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan cho các khu chức năng của đô thị, trục không gian chính.

- Định hướng quy hoạch sử dụng đất đô thị theo các giai đoạn quy hoạch.

- Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị gồm: Giao thông, cao độ nền và thoát nước mưa, cung cấp năng lượng, viễn thông thụ động, cấp nước, thoát nước bẩn, quản lý chất thải và nghĩa trang.

- Kinh tế đô thị: Luận cứ xác định danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư theo các giai đoạn quy hoạch; đề xuất, kiến nghị nguồn lực thực hiện.

- Đề xuất các yêu cầu về Quy định quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch để các cấp, các ngành cùng tham gia vào công tác quản lý xây dựng theo quy hoạch.

## **5. Các yêu cầu nghiên cứu chủ yếu**

### **5.1. Yêu cầu về khảo sát, thu thập tài liệu.**

#### **a) Yêu cầu khảo sát, địa hình:**

- Khảo sát địa hình tỷ lệ 1/5.000 hệ toạ độ VN2000, độ cao Nhà nước.

- Hồ sơ khảo sát địa hình phải đảm bảo theo quy định tại Luật đo đạc bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14/6/2018 của Quốc hội;

#### **b) Yêu cầu điều tra hiện trạng và thu thập tài liệu, số liệu:**

- Các số liệu điều tra hiện trạng về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, hạ tầng kỹ thuật..., phải sử dụng số liệu điều tra mới nhất, có hệ thống bảng biểu kèm theo, trích dẫn từ nguồn số liệu chính thức.

- Phân tích, đánh giá hiện trạng về kinh tế - xã hội; dân số, lao động; sử dụng đất đai; hiện trạng về xây dựng; kiến trúc cảnh quan, khả năng sử dụng quỹ đất hiện có và quỹ đất dự kiến phát triển; cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và vệ sinh môi trường đô thị.

- Điều tra nghiên cứu đánh giá hiện trạng cần phân tích vị trí, vai trò, mối quan hệ tổng hợp của đô thị trong tổng thể các quy hoạch liên quan, đối với toàn huyện; Sự khác biệt, tính đặc thù và tiềm năng đô thị về các mặt tự nhiên, xã hội, dân số, đất đai, môi trường, cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật, các yếu tố ảnh hưởng tới cấu trúc đô thị....từ đó xác định động lực chính phát triển của đô thị;

- Đánh giá quỹ đất phát triển đô thị trong khu vực lập quy hoạch. Khai thác tối đa quỹ đất thuận lợi để phát triển đô thị.

5.2. Yêu cầu về định hướng phát triển không gian đô thị, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, di sản, di tích, các công trình đầu mối, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và đánh giá môi trường chiến lược.

a) Yêu cầu về định hướng phát triển không gian đô thị:

- Nghiên cứu khai thác, kết nối với các hạ tầng kỹ thuật đầu mối Quốc gia như: đường nối Quốc lộ 45-47-217, tuyến Bắc sông Chu, tuyến TP.Thanh Hóa – Ngọc Lặc, đường Định Tăng – Quốc lộ 47C và hệ thống hạ tầng khung xung quanh, mở ra hướng phát triển mới cho đô thị.

- Xác định hệ thống các trung tâm; vị trí, phạm vi, quy mô các khu chức năng trong đô thị; các khu hiện có phát triển ổn định; các khu cần chỉnh trang, cải tạo, nâng cấp; các khu cần bảo tồn, tôn tạo; các khu chuyển đổi chức năng; các khu quy hoạch xây dựng mới; các khu cấm xây dựng và các khu vực dự kiến phát triển đô thị; xác định các khu vực xây dựng công trình ngầm (nếu có).

- Xác định các yếu tố tạo thị, động lực phát triển, các trục không gian phát triển chính để tổ chức các khu vực chức năng của đô thị đảm bảo tính khả thi và phát triển bền vững.

- Quy hoạch sử dụng đất của đô thị theo từng giai đoạn quy hoạch; Xác định các chỉ tiêu về diện tích, mật độ dân cư, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất và tầng cao tối đa, tối thiểu của công trình;

b) Yêu cầu về bảo tồn và phát triển cảnh quan thiên nhiên và di tích lịch sử:

- Nêu rõ các khu vực có danh lam thắng cảnh cần bảo tồn - kết hợp di tích lịch sử định hướng trong phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Đối với di tích lịch sử văn hoá cần cập nhật và có những đề xuất mới về quy mô, diện tích cũng như khâu chuỗi phát huy giá trị các di tích; có chiến lược phát huy, phát triển trọng điểm biến những di tích, tài sản văn hóa trở thành tiềm lực phục vụ phát triển kinh tế dịch vụ, du lịch.

- Đối với các di sản, di tích đã xếp hạng các cấp phải tiến hành xác định diện tích khoanh vùng bảo vệ theo Biên bản và Bản đồ khoanh vùng bảo vệ di tích để thực hiện cấm mốc giới các khu vực bảo vệ di tích theo quy định của Luật Di sản văn hóa.

- Việc bảo vệ hệ thống cảnh quan, sinh thái tự nhiên cần được phát huy đồng thời như là hệ thống hạ tầng xanh đô thị; định hướng cải tạo, phát triển cảnh quan bằng cách tạo ra thêm những vùng nước mặt, kết nối mặt nước, trồng cây xanh cho đô thị.

c) Yêu cầu về công trình hạ tầng xã hội đô thị:

- Định hướng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại, văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao, đào tạo; hệ thống công viên cây xanh, không gian công cộng và quảng trường đô thị.

- Các khu vực đất dịch vụ thương mại cần nghiên cứu tổ chức quy hoạch tại các vị trí đầu mối giao thông quan trọng, trung tâm khu ở, nhóm ở.

- Căn cứ quy mô dân số và những đặc điểm của đô thị, tính toán các chỉ tiêu các công trình hạ tầng xã hội phù hợp các quy chuẩn hiện hành.

d) Yêu cầu về phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị:

- Đánh giá tổng hợp và lựa chọn đất phát triển đô thị; xác định cốt xây dựng cho toàn đô thị và từng khu vực;

- Xác định mạng lưới giao thông đối ngoại, giao thông đô thị, vị trí và quy mô các công trình đầu mối giao thông; tổ chức hệ thống giao thông công cộng và hệ thống bến, bãi đỗ xe; xác định chỉ giới đường đỏ các trục chính đô thị và hệ thống tuynel kỹ thuật; Định hướng phát triển hạ tầng giao thông trong khu vực phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt và Phương án Quy hoạch tỉnh hiện đang tổ chức lập.

- Xác định nhu cầu và nguồn cung cấp nước, năng lượng; tổng lượng nước thải, rác thải; vị trí, quy mô, công suất các công trình đầu mối và mạng lưới truyền tải, phân phối của hệ thống cấp nước, năng lượng và chiếu sáng đô thị, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, thoát nước; vị trí, quy mô các công trình xử lý chất thải rắn, nghĩa trang và các công trình khác.

e) Yêu cầu về thiết kế đô thị: Nghiên cứu các vùng kiến trúc, cảnh quan trong đô thị; đề xuất tổ chức không gian cho các khu trung tâm, cửa ngõ đô thị, các tuyến phố chính, các trục không gian chính, quảng trường, không gian cây xanh, mặt nước và các điểm nhấn trong đô thị; Nghiên cứu xác định tầng cao tối đa, tầng cao tối thiểu của công trình xây dựng thuộc các khu chức năng của đô thị.

f) Yêu cầu về đánh giá môi trường chiến lược: Đánh giá các tác động môi trường đô thị và đề xuất biện pháp để giảm thiểu ảnh hưởng xấu đến môi trường trong đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị, nội dung theo quy định tại Khoản 7 Điều 15 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP.

g) Xác định các chương trình dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện: Xác định các chương trình dự án ưu tiên thực hiện trong giai đoạn đầu (giai đoạn đến năm 2025) và các giai đoạn tiếp theo; Xác định các hạng mục ưu tiên đầu tư cho khu vực đô thị với yêu cầu là các dự án mang ý nghĩa tạo động lực như phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ, du lịch; Hình thành các chương trình, cụ thể hoá các mục tiêu và các dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo thứ tự ưu tiên.

h) Các yêu cầu khác: Trong quá trình nghiên cứu lập quy hoạch, phải tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan (Luật Đô thị; Luật Phòng, chống thiên tai; Luật Thủy lợi; Luật Lâm nghiệp...); hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành; cập nhật các quy hoạch, dự án trong khu vực lập quy hoạch.

## **6. Danh mục hồ sơ đồ án:**

a) Sản phẩm khảo sát địa hình: Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5000 để phục vụ lập quy hoạch phải được thẩm định, nghiệm thu theo quy định của pháp luật.

b) Sản phẩm quy hoạch: Theo quy định tại Thông tư 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng, gồm:

- Phần bản vẽ:

+ Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng: Xác định vị trí, ranh giới lập quy hoạch; thể hiện các mối quan hệ giữa đô thị và vùng, khu vực có liên quan về kinh tế - xã hội; điều kiện địa hình, địa vật, các vùng có ảnh hưởng lớn đến kiến trúc cảnh quan đô thị; hạ tầng kỹ thuật đầu mối và các vấn đề khác tác động đến phát triển đô thị. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000 - 1/25.000.

+ Bản đồ hiện trạng: Sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan, hệ thống hạ tầng xã hội (giáo dục, y tế, văn hóa, thương mại, cây xanh, nhà ở...); hiện trạng giao thông, cấp điện và chiếu sáng đô thị, viễn thông thụ động, cấp nước, cao độ nền và thoát nước mưa, thoát nước bản; thu gom chất thải rắn, nghĩa trang, môi trường. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

+ Bản đồ đánh giá tổng hợp về đất xây dựng trên cơ sở từ thuyết minh có tiêu chí đánh giá phù hợp về địa hình, điều kiện hiện trạng, địa chất thủy văn; đánh giá về giá trị sử dụng đất: Xác định các khu vực thuận lợi, ít thuận lợi, không thuận lợi cho phát triển các chức năng đô thị; xác định các vùng cấm, hạn chế phát triển đô thị. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.



+ Sơ đồ cơ cấu phát triển đô thị (tối thiểu 02 phương án kèm theo thuyết minh nội dung về tiêu chí xem xét, lựa chọn các phương án). Thể hiện theo tỷ lệ thích hợp.

+ Bản đồ định hướng phát triển không gian đô thị. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

+ Bản đồ quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng theo các giai đoạn quy hoạch. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

+ Các bản đồ định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

+ Các bản vẽ thiết kế đô thị theo quy định của Bộ Xây dựng tại Thông tư số 06/2013/TT-BXD.

+ Các bản vẽ về đánh giá môi trường chiến lược: Hiện trạng và đánh giá môi trường chiến lược. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp.

- Phần văn bản:

+ Thuyết minh tổng hợp, thuyết minh tóm tắt của đồ án quy hoạch (phải có bảng biểu thống kê, phụ lục tính toán, hình ảnh minh họa và hệ thống sơ đồ, bản vẽ thu nhỏ khổ A3 với ký hiệu và ghi chú rõ ràng, được sắp xếp kèm theo nội dung cho từng phần của thuyết minh liên quan).

+ Phụ lục kèm theo thuyết minh (các giải trình, giải thích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh; bản vẽ minh họa; các số liệu tính toán). Phụ lục đính kèm văn bản pháp lý liên quan.

+ Tờ trình xin phê duyệt quy hoạch.

+ Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch (nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 34 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010).

+ Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung đô thị (theo quy định tại Điều 35 Luật quy hoạch đô thị 2009, Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016).

c) Các yêu cầu hồ sơ:

- Bản đồ minh họa trong thuyết minh được thu nhỏ theo khổ giấy A3, in màu;

- Bản đồ dùng cho việc báo cáo thẩm định in màu theo tỷ lệ thích hợp; số lượng tài liệu dùng cho báo cáo thẩm định được xác định theo yêu cầu của hội nghị;

- Hồ sơ trình duyệt lập thành 10 bộ in màu đúng tỷ lệ với đầy đủ thành phần kèm theo 04 bộ hồ sơ màu in vừa khổ giấy A0 (chủ đầu tư 01 bộ, các cơ quan thẩm định, quản lý 03 bộ), 04 đĩa CD ghi toàn bộ nội dung hồ sơ đồ án bao gồm bản vẽ, thuyết minh và các văn bản liên quan.

### **7. Nguồn vốn, kinh phí thực hiện**

- Nguồn vốn: Ngân sách huyện Thiệu Hóa và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

- Giao UBND huyện Thiệu Hóa căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng thẩm định, phê duyệt dự toán cho công tác tổ chức lập quy hoạch đảm bảo quy định của pháp luật hiện hành.

### **8. Tổ chức thực hiện**

- Cơ quan phê duyệt quy hoạch: UBND tỉnh Thanh Hóa.
- Cơ quan lấy ý kiến thống nhất: Bộ Xây dựng.
- Cơ quan Chủ đầu tư và trình duyệt hồ sơ: UBND huyện Thiệu Hóa.
- Cơ quan tổ chức thẩm định: Sở Xây dựng Thanh Hóa.
- Đơn vị lập quy hoạch: Lựa chọn đơn vị tư vấn theo quy định hiện hành.
- Thời gian hoàn thành: Không quá 12 tháng kể từ ngày nhiệm vụ được cấp thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Thiệu Hóa và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2 Quyết định;
  - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
  - Lưu: VT, CN.
- H6.(2022)QDPD\_NV QHC DT Ngọc Vu

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Mai Xuân Liêm**